

Số: ~~22~~ /BC-SGD&ĐT

Cao Bằng, ngày 1^o tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

Tổng kết năm học 2022 - 2023 và phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”

Thực hiện Công văn số 5249/BGDĐT-TĐKT ngày 15/11/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động và bình xét thi đua khối các Sở Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 5766/BGDĐT-TCCB ngày 02/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng khối các Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2022-2023;

Thực hiện Kế hoạch số 43/KH-CTĐ4 ngày 13/7/2023 của Cụm Thi đua số 4 Tổ chức Hội nghị tổng kết năm học 2022-2023, Sở GD&ĐT Cao Bằng báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” năm học 2022-2023; phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm học 2023-2024 như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đối với sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Cao Bằng.

- Bộ GD&ĐT thường xuyên, kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học, các lĩnh vực công tác; tổ chức các chương trình tri ân, tôn vinh, khen thưởng những tấm gương điển hình tiên tiến, xuất sắc, tiêu biểu trong thực hiện phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”; tổ chức các hội thảo, hội nghị kịp thời chỉ đạo, định hướng các giải pháp thực hiện phát triển giáo dục.

- Trưởng cụm và Phó trưởng cụm thi đua số 4 chủ động thực hiện các hoạt động thi đua trong Cụm; các thành viên Cụm thi đua số 4 đồng lòng, nhất trí cao trong mọi hoạt động của Cụm.

- Lãnh đạo sở GD&ĐT Cao Bằng bám sát mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh để tổ chức thực hiện các tiêu chí liên quan, phù hợp với đặc trưng của Ngành, quan tâm chú trọng chỉ đạo triển khai thực Chỉ thị số 1112/CT-BGDĐT ngày 19/8/2022 về thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023.

- Các cơ quan quản lý giáo dục địa phương, cơ sở giáo dục trong toàn ngành GD&ĐT Cao Bằng đoàn kết, thống nhất cao trong việc xây dựng các giải pháp thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Ngành, ra sức thi đua “Dạy tốt, học tốt”, “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”.

2. Khó khăn

- Mạng lưới trường, lớp phân tán, một số điểm trường, lớp lẻ số học sinh/lớp thấp, cho nên việc tổ chức hoạt động giáo dục còn khó khăn, vì vậy chất lượng giáo dục còn có sự chênh lệch giữa các vùng, ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện khó khăn còn thấp.

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đã được tăng cường song chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục, nhiều trường còn thiếu diện tích đất theo quy định, nhất là khu sân chơi, bãi tập, thiếu phòng thí nghiệm thực hành, phòng học bộ môn, nhà công vụ, thiếu nước sinh hoạt. Ở vùng sâu, vùng xa thiếu nhà ở công vụ cho giáo viên, phòng học, trang thiết bị, công trình vệ sinh, nước sạch, thư viện, các điều kiện phục vụ sinh hoạt ăn, ở của học sinh bán trú, nội trú chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc huy động các nguồn lực phát triển GD&ĐT chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2022-2023

1. Đánh giá tóm tắt tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

1.1. Rà soát, quy hoạch mạng lưới cơ sở GD&ĐT

Năm học 2022 - 2023, tỉnh Cao Bằng tiếp tục thực hiện rà soát và quy hoạch mạng lưới trường, lớp phù hợp với điều kiện thực tiễn, vừa đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, vừa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa. Trên cơ sở đó, hệ thống trường, lớp được quy hoạch từng bước hoàn thiện, phù hợp và dần ổn định; giáo dục dân tộc, giáo dục vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được quan tâm và đẩy mạnh. Đến tháng 7 năm 2023, toàn tỉnh Cao Bằng có 526 cơ sở GD&ĐT công lập và 01 trường mầm non ngoài công lập, cụ thể:

- Cấp mầm non: 179 trường công lập và 01 trường ngoài công lập;
- Cấp tiểu học: 126 trường (không bao gồm các trường TH&THCS);
- Cấp THCS: 180 trường (bao gồm cả các trường TH&THCS và không bao gồm các trường THPT có các lớp THCS);
- Cấp THPT: 30 trường;
- Trung tâm GDTX: 01 trung tâm cấp tỉnh;
- Trung tâm GDNN-GDTX: 09 trung tâm cấp huyện;
- Cao đẳng: 01 trường Cao đẳng sư phạm.

Đối với hệ thống cơ sở giáo dục dân tộc, tỉnh tiếp tục duy trì 01 trường phổ thông dân tộc nội trú cấp THPT, 12 trường phổ thông dân tộc nội trú cấp THCS tại 9/9 huyện. Đến năm 2023, hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú có 48 trường, trong đó có 07 trường tiểu học, 15 trường TH&THCS, 26 trường THCS, tập trung ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, góp phần đáp ứng nhu cầu học tập của con em vùng núi, vùng dân tộc thiểu số.

Do mật độ dân cư ở nhiều khu vực trong tỉnh còn ở mức thấp, cùng với địa hình phức tạp, hạ tầng giao thông vùng núi còn có nhiều hạn chế, số điểm trường trong năm học 2022 - 2023 còn duy trì ở mức cao với tổng số 851 điểm.

1.2. Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC)

Sở GD&ĐT tiếp tục tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện công tác PCGD, XMC giai đoạn 2021-2025 và năm 2023; thực hiện các giải pháp huy động học sinh ra lớp, giảm thiểu tình trạng học

sinh bỏ học, nâng cao chất lượng giáo dục; huy động các nguồn lực để duy trì và nâng cao kết quả PCGD, XMC.

Năm 2022, tỉnh Cao Bằng duy trì, giữ vững kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tại 100% xã, phường, thị trấn và 100% huyện, thành phố. Tất cả trẻ em học tại các cơ sở giáo dục mầm non được chăm sóc, giáo dục 02 buổi/ngày, nhằm giúp trẻ em phát triển về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên về nhân cách, chuẩn bị cho trẻ sẵn sàng vào học lớp 1. Trong năm học, tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị rà soát, thống kê chi tiết điều kiện, cơ sở vật chất, rà soát trẻ trong độ tuổi để chuẩn bị xây dựng kế hoạch và thực hiện PCGD cho trẻ mẫu giáo ở những nơi đủ điều kiện trong thời gian tới.

Tỉnh Cao Bằng được công nhận đạt PCGD tiểu học mức độ 3 tại thời điểm tháng 12/2020. Năm 2022, 10/10 đơn vị huyện/thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học Mức độ 3, đạt tỷ lệ 100%; 159/161 xã, phường, thị trấn, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt tỷ lệ 98,76%; 02/161 xã, phường, thị trấn, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, đạt tỷ lệ 1,24%.

Toàn tỉnh duy trì đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 1; chất lượng đạt chuẩn PCGD THCS tăng lên (Số xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3 tăng từ 62,1% năm 2021 lên 67,7% năm 2022; số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn mức độ 1, mức độ 2, mức độ 3 tiếp tục được duy trì), cụ thể:

- + 13/161 đơn vị cấp xã đạt chuẩn mức độ 1, tỷ lệ 8,08%;
- + 39/161 đơn vị cấp xã đạt chuẩn mức độ 2, tỷ lệ 24,22%;
- + 109/161 đơn vị cấp xã đạt chuẩn mức độ 3, tỷ lệ 67,7%;
- + 03/10 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn mức độ 1;
- + 06/10 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn mức độ 2;
- + 01/10 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn mức độ 3.

Đối với công tác xóa mù chữ năm 2022, tỉnh Cao Bằng có tổng dân số độ tuổi từ 15-35 là 188.940 người, trong đó số người biết chữ mức độ 1 là 186.642 người, đạt tỉ lệ 98,78%, số người biết chữ mức độ 2 là 182.936 người, đạt tỉ lệ là 96,82%; tổng dân số độ tuổi từ 15-60 là 365.472 người, trong đó số người biết chữ mức độ 1 là 355.071 người, đạt tỉ lệ 97,15%, số người biết chữ mức độ 2 là 329.549 người đạt tỉ lệ 90,17%. Toàn tỉnh có 11/161 đơn vị cấp xã đạt chuẩn mức độ 1, chiếm tỷ lệ 6.83% và 150/161 đơn vị cấp xã đạt chuẩn mức độ 2, đạt tỷ lệ 93.17%. Có 2/10 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn mức độ 1, chiếm 20% và 8/10 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn mức độ 2, đạt tỷ lệ 80%. Tỉnh Cao Bằng duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1.

Các phòng GD&ĐT huyện, thành phố xây dựng kế hoạch tổ chức các lớp XMC một cách linh hoạt về thời gian tổ chức dạy học, đảm bảo thời lượng thực hiện chương trình theo quy định. Đến tháng 6 năm 2023, toàn tỉnh đã mở được 13 lớp XMC với 322 học viên (Bảo Lạc 137, Hà Quảng 85, Nguyên Bình 100).

1.3. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia

Tỉnh Cao Bằng tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành, đơn vị tập trung nguồn lực để đảm bảo cơ sở vật chất xây dựng trường chuẩn quốc gia ở các cấp học. Đến hết năm 2022, toàn tỉnh có 173/516 trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 33,53%; trong đó có 65 trường mầm non; 55 trường tiểu học; 46 trường THCS (và trường TH&THCS); 07 trường THPT. Hoàn thành mục tiêu về tỷ lệ số trường học đạt chuẩn quốc gia được giao tại Quyết định số 512/QĐ-TTg ngày 11/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ¹ (28%). Dự kiến đến hết năm 2023, toàn tỉnh có thêm 06 trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia thành 179 trường.

1.4. Đánh giá chung tình hình thực hiện các chỉ tiêu phát triển giáo dục, đào tạo

1.4.1. Giáo dục mầm non

- Tiếp tục phát triển và quy hoạch mạng lưới trường, lớp mầm non để nâng tỷ lệ huy động của trẻ 0-2 tuổi đến nhà trẻ. Năm 2023, toàn tỉnh có 150/161 xã, phường, thị trấn có trường mầm non (bằng 93,2%) với 179 trường (Không bao gồm 01 trường mầm non ngoài công lập và các lớp mầm non tại các trường có nhiều cấp học). Về quy mô người học, năm học 2022 - 2023 có 34.856 trẻ em học mầm non; trong đó có 5.170/21.234 trẻ nhà trẻ (tỷ lệ huy động đạt 24,35%, chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch); 29.686/30.176 trẻ mẫu giáo (tỷ lệ huy động đạt 98,38%, chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch), bao gồm 10.229/10.266 trẻ mẫu giáo 5 tuổi (tỷ lệ huy động đạt 99,64%). Về quy mô lớp học, có 1.612 nhóm, lớp (công lập 1.572, tư thục 40); trong đó: Nhà trẻ: 250 nhóm (công lập: 219; tư thục: 31); Mẫu giáo: 1.362 lớp (công lập: 1.353; tư thục: 09), Riêng mẫu giáo 5 tuổi: 723 lớp (công lập: 722, tư thục: 1).

- Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: Nhà trẻ: $84/5.295 = 1,59 \%$, giảm: 5,63 %; Mẫu giáo: $613/28.902 = 2,12 \%$, giảm: 6,53 %

- Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi: Nhà trẻ: $163/5.295 = 3,07 \%$, giảm: 7,51%; Mẫu giáo: $833/28902 = 2,88 \%$, giảm: 5,78 %

- Trẻ thừa cân, béo phì: $60/34.197 = 0,18\%$ giảm 0,28%

- Số trẻ ăn bán trú: $32.713/34.197 = 95,66 \%$.

1.4.2. Giáo dục tiểu học

- Năm học 2022 - 2023, toàn tỉnh có 51.672 học sinh tiểu học chia thành 2.661 lớp (2.365 lớp đơn, 236 lớp ghép); Huy động tối đa số trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 và trẻ em khuyết tật được đi học hoà nhập vào cộng đồng; có 10.130/10.134 trẻ 6 tuổi học lớp 1, đạt tỷ lệ 99,96% vượt chuẩn 1,96%; tỷ lệ huy động học sinh tiểu học đi học đúng độ tuổi đạt 99,83%. Tỷ lệ học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,98%. Dự kiến năm học 2023 - 2024, toàn tỉnh có khoảng 52.548 học sinh tiểu học, tăng khoảng 800 em so với năm học 2022 - 2023.

- Đánh giá các môn học: Hoàn thành tốt 34,98%; Hoàn thành 61,56%; Chưa hoàn thành 3,46%.

¹ Quyết định số 512/QĐ-TTg ngày 11/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

- Đánh giá năng lực: xếp loại Tốt 48,24%; xếp loại Đạt 49,60%; xếp loại Cần cố gắng 2,15%.

- Đánh giá phẩm chất: xếp loại Tốt 65,15%; xếp loại Đạt 34,38%; xếp loại Cần cố gắng 0,47%.

1.4.3. Giáo dục trung học cơ sở

- Năm học 2022-2023, hệ thống cơ sở giáo dục của tỉnh có 180 trường có cấp trung học cơ sở (98 trường THCS, 82 trường TH&THCS, 06 trường THPT có cấp THCS) với 1.166 lớp và 32.572 học sinh. Tỷ lệ huy động đúng độ tuổi của học sinh THCS đạt 93,46% (không đạt chỉ tiêu kế hoạch (95,0%)); tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp 5 vào lớp 6 đạt 98,36%. Dự kiến trong năm học 2023-2024, toàn tỉnh có khoảng 33.500 học sinh cấp THCS.

- Kết quả đánh giá, xếp loại học lực, hạnh kiểm đối với học sinh lớp 8, lớp 9 (Chương trình GDPT 2006): Hạnh kiểm Tốt: 84,2%; Khá: 13,8%; Trung bình: 1,93%; Yếu: 0,1%. Học lực Giỏi: 14,98%, Khá: 44,02; Trung bình: 40,4%; Yếu: 0,56%; Kém: 0,01%.

- Kết quả học tập và rèn luyện lớp 6, lớp 7 (Chương trình GDPT 2018): Rèn luyện Tốt: 84,2%; Khá: 13,9; Đạt: 1,9%; Chưa đạt: 0%. Học tập Tốt: 11,6%; Khá: 37,6%; Đạt: 48,8%; Chưa đạt: 2%.

1.4.4. Giáo dục trung học phổ thông

- Toàn tỉnh duy trì 30 trường trung học phổ thông (Trong đó có 06 trường có cấp THCS). Quy mô học sinh THPT được duy trì tương đối ổn định với 13.682 học sinh được chia thành 382 lớp năm học 2022 - 2023 và tăng lên khoảng 13.800 học sinh vào năm học 2023 - 2024. Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường năm học 2022-2023 đạt 56,19% (đạt kế hoạch đề ra).

- Kết quả đánh giá, xếp loại học lực, hạnh kiểm đối với học sinh lớp 11, lớp 12 (Chương trình GDPT 2006): Hạnh kiểm Tốt: 87,8%; Khá: 9,5%; Trung bình: 2,53%; Yếu: 0,2%. Học lực Giỏi: 16,8%, Khá: 61,3%; Trung bình: 21,6%; Yếu: 0,34%; Kém: 0,01%.

- Kết quả học tập và rèn luyện lớp 10 (Chương trình GDPT 2018): Rèn luyện Tốt: 81,3%; Khá: 13,7; Đạt: 4,2%; Chưa đạt: 0,8%. Học tập Tốt: 9,9%; Khá: 46,8%; Đạt: 39,8%; Chưa đạt: 3,5%.

2. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2022 - 2023

2.1. Đối với các nhóm nhiệm vụ trọng tâm

2.1.1. Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước về GD&ĐT

- Năm học 2022 - 2023, căn cứ pháp luật hiện hành, Sở GD&ĐT tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 01 quyết định cá biệt quy định về danh mục và định mức thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực GD&ĐT; phân cấp cho GD&ĐT ban hành 01 quy định về thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực GD&ĐT để tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan, đơn vị trong công tác triển khai thực hiện. Dự kiến trong năm 2023, Sở GD&ĐT tham

mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành ban hành, sửa đổi một số chính sách về mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh; một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong các cơ sở giáo dục công lập; quy định về nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn.

- Bên cạnh đó, trong năm học 2022 - 2023, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan liên quan trong công tác góp ý cho các dự thảo luật, nghị định và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực GD&ĐT do các bộ, ngành ban hành (dự thảo Luật Đấu thầu sửa đổi; Nghị định về quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định về cơ chế thu, quản lý học phí; Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công; Thông tư về xử lý dữ liệu quy hoạch; Thông tư về quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú; Các thông tư về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia ...).

- Tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng, hoàn thiện quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trong đó, nghiên cứu, dự báo tình hình và tích hợp các nội dung về lĩnh vực GD&ĐT. Xây dựng kế hoạch thực hiện các chương trình, dự án, đề án có liên quan đến lĩnh vực GD&ĐT (Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước theo từng năm, Kế hoạch cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, ...). Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh cũng tham mưu cho Tỉnh ủy ban hành các nghị quyết về phát triển các vùng, khu vực của tỉnh và xây dựng kế hoạch để thực hiện các nghị quyết này; trong đó tích hợp các nội dung về phát triển GD&ĐT. Chỉ đạo các cơ quan liên quan nghiên cứu, góp ý dự thảo các quy hoạch, đề án cấp quốc gia (Quy hoạch Quốc gia, Đề án Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 3-4 tuổi, ...).

- Trong năm học, Sở GD&ĐT đã phối hợp với các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện tinh giản bộ máy quản lý hành chính và tại các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện sắp xếp, phân cấp công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh theo đúng các quy định hiện hành. Tham mưu cụ thể hóa chủ trương phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý nhà nước nói chung và công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực GD&ĐT: Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công; phân cấp trong công tác quản lý đầu tư xây dựng, ... Chỉ đạo thực hiện đổi mới quản trị nhà trường theo hướng tinh gọn, hiện đại, minh bạch; tăng cường thực hiện dân chủ cơ sở, phát huy vai trò và tiếng nói của đội ngũ nhà giáo trong các nhà trường.

2.1.2. Phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh

- Trong năm 2022, Sở GD&ĐT đã chỉ đạo phòng GD&ĐT các huyện, thành phố, các cơ sở GD&ĐT trên địa bàn chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch năm học 2022 - 2023 một cách chủ động, linh hoạt phù hợp với tình hình, diễn biến dịch

Covid-19 tại địa phương, bảo đảm việc thực hiện mục tiêu kép vừa đảm bảo chất lượng giáo dục vừa phòng, chống hiệu quả dịch Covid-19. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiếp tục thực hiện tốt các biện pháp trong công tác phòng, chống dịch Covid-19. Đặc biệt quán triệt và thực hiện nghiêm, hiệu quả nguyên tắc "người dân là trung tâm, là chủ thể" để phục vụ người học, viên chức, người lao động trong ngành giáo dục; làm cho người học, viên chức, người lao động trong ngành giáo dục thấy được việc tự giác thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 là trách nhiệm, là nghĩa vụ, là quyền lợi của mỗi người để bảo vệ sức khỏe cho chính mình, gia đình mình và cộng đồng. Các cơ sở giáo dục xây dựng, hoàn thiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo hướng dẫn bảo đảm chủ động, linh hoạt ứng phó với các tình huống của dịch Covid-19 tại địa phương, kịp thời tổ chức dạy học những nội dung kiến thức cơ bản theo yêu cầu cần đạt của chương trình.

- Triển khai hiệu quả công tác giáo dục thể chất và y tế trường học, bảo đảm an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh và tai nạn thương tích. Sở GD&ĐT chỉ đạo các phòng GD&ĐT, các cơ sở giáo dục không có nhân viên y tế chuyên trách chủ động phối hợp với y tế địa phương thực hiện công tác y tế trường học. Ngành Giáo dục phối hợp với Ngành Y tế tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, nhân viên y tế trường học, giáo viên kiêm nhiệm công tác y tế trường học của các cơ sở giáo dục với trên 280 lượt người tham gia. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra việc bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm trong các trường học, đặc biệt các trường nội trú, trường tổ chức ăn bán trú cho học sinh. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng chống đuối nước và bảo đảm an toàn cho học sinh khi tham gia các hoạt động học tập, ngoại khóa trong và ngoài nhà trường.

- Tiếp tục tổ chức triển khai Chương trình "Sức khỏe học đường giai đoạn 2021 - 2025", Chương trình "Y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025"; Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất, thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025 theo kế hoạch UBND tỉnh đã ban hành. Các cơ sở giáo dục đẩy mạnh các hoạt động thể thao học sinh gắn kết với nội dung môn học giáo dục thể chất thuộc Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Năm học 2022-2023 Ngành GD&ĐT tổ chức giải Điền kinh - bóng rổ học sinh phổ thông thu hút đông đảo học sinh tham gia (10/10 phòng GD&ĐT, 30/30 trường THPT với trên 500 vận động viên tham gia giải).

2.1.3. Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng trong toàn ngành

- Năm học 2022-2023, ngành Giáo dục tỉnh Cao Bằng tiếp tục triển khai hiệu quả công tác tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên; Chương trình "Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021-2030"; tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên, Chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2021 - 2025.

- Ngành GD&ĐT xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án "Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống trên quê hương cách mạng Cao Bằng giai đoạn 2019-2025" trong ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2022, 2023. Chỉ

đạo các đơn vị chú trọng tổ chức các hoạt động dạy học lồng ghép, tích hợp, hoạt động ngoại khóa về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên. 100% các cơ sở giáo dục tổ chức được ít nhất 01 buổi ngoại khóa có lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh.

- Tăng cường công tác tổ chức và quản lý các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh, sinh viên theo các nội dung được hướng dẫn. Chú trọng hướng dẫn các kỹ năng phòng chống dịch bệnh Covid-19 cho học sinh, sinh viên. Các cơ sở giáo dục thành lập và duy trì hoạt động các câu lạc bộ sở thích, tài năng, câu lạc bộ rèn luyện, thực hành đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, câu lạc bộ ngoại ngữ. Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của 113 câu lạc bộ "Cùng em khám phá Công viên địa chất" trong các trường THCS, THPT trên địa bàn tỉnh.

- Các cơ sở giáo dục tổ chức sử dụng giảng dạy tài liệu tích hợp nội dung "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" cho học sinh trong các cấp học; đưa bộ Tài liệu "Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống" vào dạy học lồng ghép, tích hợp trong các hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Triển khai Cuộc thi "Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh" năm 2022 đến tất cả học sinh, sinh viên và giáo viên trẻ của tỉnh. Các cơ sở giáo dục tuyên truyền, phổ biến về cuộc thi, hướng dẫn học sinh, sinh viên, giáo viên trẻ tham gia dự thi các vòng theo quy định. Tỉnh Cao Bằng có 8146 học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên trẻ tham gia Cuộc thi.

- Sở GD&ĐT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Chỉ thị triển khai thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường. Toàn Ngành đẩy mạnh việc triển khai, đánh giá kết quả thực hiện Đề án "Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học". 100% các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh vận dụng linh hoạt Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT để xây dựng Bộ quy tắc ứng xử thực hiện trong mỗi đơn vị với sự tham gia và cam kết của cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, học sinh, sinh viên, cha mẹ học sinh. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tăng cường triển khai thực hiện Thông tư số 26/2017/TT-BGDĐT ngày 18/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổ chức hoạt động văn hóa của học sinh, sinh viên phù hợp với tình hình, diễn biến của dịch Covid-19. Các phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở đào tạo đặc biệt là các trường nội trú, bán trú tổ chức thường xuyên các hoạt động văn hóa, văn nghệ trong các trường học; khuyến khích học sinh, sinh viên tham gia các hoạt động văn hóa nghệ thuật, văn hóa quần chúng; chú trọng nâng cao hiệu quả tổ chức các hội thi, liên hoan văn nghệ cho học sinh, sinh viên góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và định hướng thị hiếu âm nhạc giúp học sinh, sinh viên hướng tới các giá trị chân - thiện - mỹ. Các CLB dân ca, dân vũ và các CLB văn nghệ của các nhà trường chú trọng việc luyện tập, biểu diễn, giới thiệu các làn điệu dân ca như hát Then - đàn Tính, hát Sli - Lượn, hát Páo dung, múa Châu... trong các hội thi, hội diễn văn nghệ, chương trình ngoại khóa... từ đó góp phần lưu truyền, lan tỏa các làn điệu dân ca đặc sắc của địa phương. Các CLB "Cùng em khám phá Công viên địa chất" góp phần quan trọng trong việc tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá những nét đặc sắc của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng tới những người dân trong tỉnh, du khách trong và ngoài nước.

2.1.4. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới GD&ĐT

- Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý được quan tâm, đầu tư phát triển số lượng, chất lượng và đang dần được hoàn thiện về cơ cấu; hàng năm được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao chất lượng chuyên môn đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Năm 2022, hệ thống các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông toàn tỉnh có 10.757 cán bộ quản lý và giáo viên, cơ bản đảm bảo cơ cấu, độ tuổi, trình độ chuyên môn đào tạo và vị trí việc làm. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục được bố trí, sắp xếp cơ bản đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Về trình độ đào tạo, cấp mầm non có tổng số 2.991 cán bộ quản lý, giáo viên công lập; trong đó có 2.930 người đạt chuẩn trình độ đào tạo (cao đẳng trở lên), đạt 97,96%. Cấp tiểu học có tổng số 4.198 cán bộ quản lý, giáo viên; trong đó có 3.652 người đạt chuẩn trình độ đào tạo (đạt 96,99%). Cấp trung học cơ sở có tổng số 2.504 cán bộ quản lý, giáo viên; trong đó có 2.372 người đạt chuẩn trình độ đào tạo (đạt 94,73%). Cấp trung học phổ thông có tổng số 1.064 cán bộ quản lý, giáo viên, với tỷ lệ 100% đạt chuẩn trình độ đào tạo; 11,5% đạt trình độ trên chuẩn. Tính chung các cấp học toàn tỉnh có 93,13% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn, 6,87% cán bộ quản lý, giáo viên chưa đạt chuẩn.

- Tỉnh thường xuyên chỉ đạo các địa phương và cơ sở giáo dục tăng cường công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thông qua các hoạt động sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn, sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường. Tham gia và triển khai đầy đủ hiệu quả việc bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục theo các chương trình, dự án của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chỉ đạo tổ chức và phối hợp tổ chức bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên các cấp; liên kết tổ chức các khóa đào tạo đại học, thạc sỹ nâng cao trình độ, tổ chức bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và những kỹ năng, nghiệp vụ cần thiết (tin học, ngoại ngữ, ...) cho giáo viên.

- Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng, lãnh đạo quản lý cấp phòng, bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, kiến thức quốc phòng an ninh, tập huấn tổ trưởng chuyên môn, bồi dưỡng lý luận chính trị, đào tạo trung cấp, cao cấp lý luận chính trị cho cán bộ quản lý. Trên cơ sở đó, đội ngũ cán bộ quản lý cơ bản đạt chuẩn về trình độ đào tạo, được bồi dưỡng về kiến thức kỹ năng cần thiết, đáp ứng yêu cầu công tác.

- Các hình thức bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đã góp phần tích cực nâng cao trách nhiệm của cán bộ quản lý; nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Bên cạnh đó, tỉnh cũng chỉ đạo các địa phương và cơ sở giáo dục triển khai việc định kỳ đánh giá theo chuẩn cán bộ quản lý, chuẩn nghề nghiệp giáo viên, phản ánh đúng năng lực thực chất. Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thi giáo viên dạy giỏi theo quy định tại Thông tư số 21/2010/TT-BGDĐT ngày 20/7/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chất lượng của các cuộc thi ngày càng được nâng cao, số giáo viên tham gia dự thi, đạt giải và chất lượng ngày càng tăng.

2.1.5. Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giáo dục

Công tác đầu tư cho lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh được thực hiện hầu hết từ nguồn lực nhà nước. Trong năm 2022 và 2023, toàn ngành tiếp tục sử dụng một cách có

hiệu quả nguồn ngân sách địa phương cùng với sự hỗ trợ từ ngân sách trung ương và các chương trình mục tiêu, dự án, đề án để tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống các cơ sở giáo dục trong tỉnh. Bên cạnh đó, trong những năm qua, Sở GD&ĐT đã tham mưu UBND tỉnh đẩy mạnh công tác xã hội hóa nguồn lực đầu tư cho giáo dục.

2.1.6. Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên

a) Đối với giáo dục mầm non

- Thực hiện có hiệu quả công tác đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT nhằm điều chỉnh nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện và bối cảnh địa phương; quan tâm, trú trọng các nội dung trong các chuyên đề, tổ chức các hoạt động chất lượng, hiệu quả nhân rộng điển hình đến các trường mầm non trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện các giải pháp đảm bảo điều kiện thực hiện chương trình giáo dục mầm non; phát triển các điều kiện và hoạt động của trường mầm non theo các tiêu chí của trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm; đặc biệt quan tâm xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, lấy trẻ làm trung tâm. Đổi mới các hoạt động chuyên môn trong nhà trường; vận dụng các phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến phù hợp với thực tiễn để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Chỉ đạo tổ giáo viên cốt cán hỗ trợ thực hiện chương trình giáo dục mầm non ở những vùng đặc biệt khó khăn; tăng cường hỗ trợ chuyên môn cho các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực. Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số; tổ chức cho trẻ em làm quen với ngoại ngữ và tin học ở những nơi có điều kiện. Triển khai thực hiện bộ công cụ và tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên, cha mẹ trẻ về phát triển sớm, can thiệp sớm đối với trẻ em có nguy cơ chậm phát triển và trẻ em khuyết tật; đẩy mạnh giáo dục hòa nhập đối với trẻ em khuyết tật;

- Tiếp tục tăng cường các điều kiện để nâng cao chất lượng thực hiện chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm"; Thực hiện phát triển chương trình phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của địa phương; Tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục theo phương châm "Học thông qua vui chơi, trải nghiệm" gắn kết với việc quan sát, theo dõi và đánh giá trẻ để lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp; tiếp tục lồng ghép thực hiện hiệu quả nội dung giáo dục tích hợp trong chương trình giáo dục mầm non về giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội; giáo dục an toàn giao thông; thực hiện lồng ghép giáo dục dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe với giáo dục phát triển vận động cho trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non. Tổ chức một cách linh hoạt các hoạt động ngoại khóa, hội thi, hoạt động trải nghiệm tại các cơ sở giáo dục mầm non nhằm phát triển tích cực tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ, đã có ảnh hưởng tích cực và sự lan tỏa lớn tới phụ huynh và cộng đồng, trẻ vui thích khi được đến trường học và chất lượng giáo dục mầm non ngày càng được nâng lên.

b) Đối với giáo dục phổ thông

- Chỉ đạo các cơ quan quản lý giáo dục và các cơ sở giáo dục triển khai xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích

cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Trong quá trình tổ chức thực hiện, các cơ sở giáo dục trung học tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, tổ chức các hội thảo, tọa đàm trao đổi về tổ chức thực hiện chương trình; đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học và điều chỉnh kịp thời kế hoạch dạy học phù hợp với thực tế tại địa phương, cơ sở giáo dục, chủ động ứng phó với các tình huống dịch bệnh.

- Giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; tăng cường ứng dụng CNTT trong dạy và học; tham khảo trên internet, thiết kế tư liệu, học liệu; định kỳ tổ chức sinh hoạt chuyên môn để trao đổi, góp ý, hoàn thiện về kế hoạch bài học; chú trọng xây dựng bài học theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh. Các hoạt động dạy học tích hợp, ngoại khóa tuyên truyền về Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non Nước Cao Bằng; tuyên truyền, giáo dục văn hóa, lịch sử truyền thống trên quê hương cách mạng Cao Bằng; tuyên truyền Ba văn kiện pháp lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc được triển khai ở các trường cấp trung học đạt hiệu quả giáo dục cao. Số tiết dạy học ngoài lớp học của các cơ sở giáo dục THCS là 1386; THPT là 325 tiết. Hoạt động giáo dục STEM được các cơ sở giáo dục trung học tích cực triển khai; Sở GD&ĐT tổ chức thành công Cuộc thi STEM robotic dành cho học sinh THPT với 27/30 trường THPT, 35 đội, 101 học sinh tham gia. Hoạt động nghiên cứu khoa học và tham gia Cuộc thi KHKT cấp tỉnh được tăng cường (100 dự án, 29/30 trường THPT; 8/10 phòng GD&ĐT với 196 học sinh tham gia thi cấp tỉnh; Sở GD&ĐT cử 02 dự án dự thi cấp quốc gia, đạt 01 giải Tư). Số chủ đề/bài học STEM đã thực hiện: cấp THCS: 366, cấp THPT: 152.

- Các cơ sở giáo dục thực hiện đổi mới phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá, chú trọng đến việc đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu,...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Chương trình giáo dục thường xuyên cấp THPT được triển khai đối với lớp 10 tại 10/10 Trung tâm GDTX, GDNN-GDTX với 20 lớp, 535 học viên. Sở GD&ĐT tổ chức hội nghị triển khai thực hiện chương trình GDTX mới, hội nghị định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục. Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn giáo viên về sử dụng sách giáo khoa, triển khai dạy học nội dung giáo dục địa phương, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 4324/KH-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”; triển khai thực hiện Kế hoạch số 3175/KH-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp trong các cơ sở giáo dục trung học, trong đó tập trung đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp; tăng cường các hoạt động giáo dục hướng nghiệp gắn với các làng nghề, cơ sở sản xuất kinh

doanh, dịch vụ, du lịch tại địa phương; phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp; tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện giáo dục STEM trong trường trung học theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

- Các cơ sở giáo dục trung học phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở có chức năng hướng nghiệp trên địa bàn tỉnh tổ chức các hoạt động tư vấn, định hướng nghề nghiệp để giới thiệu, quảng bá về giáo dục nghề nghiệp, giúp học sinh có nhận thức đúng đắn về giáo dục nghề nghiệp, góp phần tăng tỉ lệ học sinh tham gia học tập, đào tạo giáo dục nghề nghiệp sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông. Các trường có cấp trung học cơ sở xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp, trong đó yêu cầu 100% các trường có cấp trung học cơ sở tổ chức triển khai chủ đề "Hướng nghiệp trong các môn học ở trường trung học phổ thông" cho học sinh lớp 9.

2.1.7. Xây dựng và triển khai chiến lược, quy hoạch, nâng cao năng lực hệ thống giáo dục đại học

- Từ thời điểm Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018 có hiệu lực (ngày 01/7/2019), trên địa bàn tỉnh chỉ có trường cao đẳng (Trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh). Trong những năm qua, việc tổ chức tuyển sinh và đào tạo tại đơn vị này gặp nhiều khó khăn do hạn chế về nguồn tuyển sinh và nhu cầu nhân lực trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non của tỉnh. Trong năm 2022, đơn vị tiếp tục thực hiện công tác tự đánh giá cơ sở đào tạo và chương trình đào tạo ngành giáo dục mầm non; hiện nay, đơn vị đang hoàn thiện báo cáo tự đánh giá để chuẩn bị cho công tác đánh giá ngoài cơ sở đào tạo và chương trình đào tạo cao đẳng giáo dục mầm non.

- Theo Quy hoạch tỉnh Cao Bằng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và đang được trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trong những năm tới, tỉnh sẽ đầu tư cơ sở vật chất và thực hiện các thủ tục cần thiết để thành lập Trường Cao đẳng Cao Bằng trên cơ sở sáp nhập Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng với Trường Trung cấp nghề của tỉnh.

2.1.8. Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính trong toàn ngành

- Đến năm 2022, đa số các cấp học đã hoàn thiện hạ tầng CNTT, tận dụng triệt để và sử dụng hiệu quả các thiết bị CNTT hiện có để phục vụ công tác quản lý và giảng dạy, đẩy mạnh kết nối cáp quang Internet tới các cơ sở giáo dục. Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT (phần cứng, phần mềm, website...). Triển khai có hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, đảm bảo 100% các cơ sở giáo dục báo cáo dữ liệu đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn theo yêu cầu. Đẩy mạnh triển khai phần mềm quản lý trường học ở các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên; phần mềm quản lý trường học và kết nối trao đổi được dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục. Từ năm 2021, tỉnh Cao Bằng triển khai Hệ thống quản lý thông tin y tế, thư viện, thiết bị trường học trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (thuê dịch vụ công nghệ thông tin) để phục vụ công tác quản lý, điều hành cho toàn ngành giáo dục của tỉnh từ GD&ĐT đến các phòng GD&ĐT cấp huyện và các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông. Năm 2022, ngành giáo dục thực hiện số hóa sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp THCS và THPT; năm 2023 triển khai (thuê dịch vụ

công nghệ thông tin) phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và quản lý hồ sơ giáo dục thuộc hệ sinh thái giáo dục thông minh trên phạm vi toàn tỉnh.

- Bước đầu sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ điện tử; triển khai ứng dụng CNTT kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với nhà trường, áp dụng các giải pháp trao đổi thông tin miễn phí như tin nhắn OTT, email, các ứng dụng trên thiết bị di động và website giáo dục; sử dụng phần mềm trực tuyến trong các cơ sở giáo dục để thực hiện công tác tuyển sinh đầu cấp. Sử dụng hiệu quả hệ thống truyền hình trực tuyến phục vụ kết nối giữa các đơn vị, trường học với GD&ĐT, tăng cường sử dụng phương thức họp trực tuyến để tổ chức họp, hội nghị, hội thảo và sinh hoạt chuyên môn, đặc biệt đối với hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, huyện và thành phố. Triển khai có hiệu quả cổng thông tin điện tử, thư điện tử và hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục và chống mù chữ theo quy định. Khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin toàn ngành, các hệ thống thông tin của ngành Giáo dục và Đào tạo.

- Chỉ đạo các đơn vị, trường học thực hiện việc chuyển đổi từ sổ sách truyền thống sang sổ sách điện tử; hạn chế tối đa văn bản giấy trong lĩnh vực quản lý, điều hành, trừ những trường hợp đặc biệt. Chỉ đạo thực hiện các quy định về việc quản lý và sử dụng hệ thống ứng dụng CNTT, tích cực ứng dụng CNTT hỗ trợ đổi mới nội dung, phương pháp dạy, học và kiểm tra đánh giá; triển khai phương thức dạy học trực tuyến; xây dựng ngân hàng câu hỏi, phần mềm quản lý thi online. Hướng dẫn và khuyến khích giáo viên xây dựng học liệu dạy học trực tuyến, chú trọng xây dựng bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trực tuyến, tư liệu 3D, thí nghiệm ảo, phần mềm mô phỏng, sách điện tử tương tác, ... đóng góp vào kho bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm trực tuyến, kho học liệu số của ngành và Hệ tri thức Việt số hóa. Triển khai giải pháp trường học điện tử, lớp học điện tử ở những nơi có điều kiện, đảm bảo tính hiệu quả.

- Bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông, nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin, kỹ năng khai thác sử dụng có hiệu quả các phần mềm quản lý trong nhà trường, phần mềm ứng dụng trong giáo dục; kỹ năng quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành; kỹ năng dạy - học trực tuyến. Năm 2023, hưởng ứng Chương trình "Sóng và máy tính cho em" do Thủ tướng Chính phủ phát động và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỉnh Cao Bằng đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, phát động ủng hộ trên toàn tỉnh. Theo đó, đến hết tháng 3 năm 2023, tỉnh đã nhận được 1,840 tỷ đồng ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong tỉnh. Ngành GD&ĐT đã hoàn thành mua sắm 800 máy tính bảng để cung cấp cho học sinh thuộc các đối tượng thụ hưởng của Chương trình.

- Ngành GD&ĐT đã xây dựng và triển khai thực hiện tốt Kế hoạch cải cách hành chính, tuyên truyền CCHC, kiểm soát TTHC, rà soát TTHC, ứng dụng CNTT, công tác ứng dụng ISO vào hoạt động cơ quan; thực hiện công tác văn thư lưu trữ... Các nội dung cải cách hành chính được tổ chức thực hiện tốt, cụ thể:

- Về rà soát, kiểm soát thủ tục hành chính: Đẩy mạnh triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính đã được ban hành; thực hiện nghiên cứu rà soát, quy trình, thành phần hồ sơ chưa rõ, gây khó khăn cho cá nhân, tổ chức

theo phạm vi quản lý, thực hiện của đơn vị phụ trách để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ. Năm 2022, ngành GD&ĐT đã tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá và đề xuất phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính, với tổng số TTHC đã rà soát là 46, số TTHC đề nghị phân cấp 04; theo chức năng và nhiệm vụ đã thực hiện rà soát, đề xuất cắt giảm thời hạn giải quyết các TTHC liên quan, cụ thể như sau: số TTHC đã rà soát: 125/125 (100%); số TTHC đề xuất cắt giảm thời hạn giải quyết: 53/80 (đạt 42%)

- Về công khai TTHC: Ngành GD&ĐT duy trì công khai các TTHC theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh và trên cổng thông tin của Ngành, của tỉnh và trên phần mềm “Một cửa” điện tử, thường xuyên hỗ trợ, tư vấn cho cá nhân và tổ chức khai thác, sử dụng cũng như giải thích, hướng về quy định, TTHC liên quan. Cùng với đó, duy trì việc cập nhật danh mục TTHC thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Về tình hình thực hiện TTHC: Thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận và giải quyết TTHC theo đúng quy định; phục vụ tốt các tổ chức, công dân khi tham gia giải quyết TTHC; việc giải quyết TTHC đảm bảo tuân thủ đúng quy trình của hệ thống quản lý chất lượng đã được xây dựng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và quy trình giải quyết nội bộ của cơ quan. Phối hợp với bộ phận tiếp công dân thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết kịp thời kiến nghị, khiếu nại của công dân. Năm 2022 ngành GD&ĐT của tỉnh có 82 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, tiếp nhận 12.039 hồ sơ, số hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 12.035, số quá hạn là 04 hồ sơ; tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết trực tuyến đạt 91,22%, trả kết quả qua bưu chính công ích đạt 97,7%.

2.1.9. Tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục

- Năm 2023, tỉnh Cao Bằng cùng với các tỉnh Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hà Giang đã hoàn thành ký kết Biên bản ghi nhớ của Hội nghị lần thứ 14 của Ủy ban công tác Liên hợp với Khu Tự trị dân tộc Choang Quảng Tây - Trung Quốc về nhiều nội dung trong đó có nội dung đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ giữa hai bên.

- Năm học 2022 - 2023, Sở GD&ĐT đã chủ trì tổ chức Hội nghị hợp tác giáo dục - giáo dục nghề nghiệp giữa 04 tỉnh biên giới Việt Nam (Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang) với tỉnh Quảng Tây Trung Quốc bằng hình thức trực tuyến. Tại hội nghị này 2 bên đã thống nhất nội dung hợp tác về giáo dục nhằm mục đích tăng cường trao đổi cán bộ và giao lưu hợp tác giữa cơ quan hành chính giáo dục Quảng Tây - Trung Quốc và các cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp của 04 tỉnh biên giới Việt Nam, bàn luận một số nội dung triển khai hoạt động đào tạo và giáo dục nghề nghiệp cho học sinh, cán bộ quản lý và giáo viên; cùng nhau thực hiện có hiệu quả công tác tuyển sinh cho quỹ học bổng mà chính quyền Quảng Tây đã phân phối chỉ tiêu đến 04 tỉnh biên giới Việt Nam và quỹ học bổng 04 tỉnh biên giới Việt Nam phân phối chỉ tiêu cho Quảng Tây; tăng cường giao lưu học hỏi và hợp tác giữa các trường cao đẳng, đại học, học viện của Quảng Tây, Trung Quốc với các trường đại học, cao đẳng 04 tỉnh biên giới Việt Nam. Thực hiện công tác trao đổi giảng viên nhằm bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên. Trao đổi sinh viên tạo cơ hội cho sinh viên được học tập ở trường đối tác, được phát triển bản thân, tìm hiểu văn hóa tại mỗi nước. Tổ chức hoặc tham gia hội nghị, hội thảo; hợp tác nghiên cứu về các vấn đề mà hai bên

quan tâm. Thực hiện các thỏa thuận đã ký kết, năm 2023, tỉnh đã cử 10 học sinh và 01 viên chức đủ điều kiện tiêu chuẩn đi học trình độ đại học và trình độ thạc sĩ tại các trường đại học và học viện của Quảng Tây, Trung Quốc.

2.1.10. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

- Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện thường xuyên, theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Hàng năm, căn cứ hướng dẫn về công tác thanh tra hành chính của Thanh tra tỉnh Cao Bằng, công tác thanh tra năm học của Thanh tra Bộ GD&ĐT. Sở GD&ĐT và các huyện thành phố xây dựng kế hoạch thanh tra tập trung vào việc thực hiện quy chế dân chủ, thực hiện quy định công khai minh bạch trong trường học, trách nhiệm của thủ trưởng cơ sở giáo dục trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; tăng cường thanh tra, kiểm tra đột xuất, những vấn đề gây bức xúc trong dư luận, những lĩnh vực dễ xảy ra sai phạm, xử lý nghiêm các sai phạm, thông báo công khai trước công luận, giữ vững trật tự, kỷ cương trong ngành. Công tác thanh tra, kiểm tra của đã góp phần tích cực trong việc phòng ngừa sai sót, tiêu cực; kịp thời đưa ra được những kiến nghị điều chỉnh những thiếu sót, hạn chế trong chỉ đạo, thực hiện của cơ quan quản lý giáo dục; các cơ sở giáo dục, góp phần tích cực nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục.

- Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giữ vững và duy trì trật tự, kỷ cương, nền nếp các hoạt động giáo dục, phòng ngừa và ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực; xây dựng khối đoàn kết, nhất trí cao trong đơn vị, khơi dậy khả năng và thế mạnh của từng cá nhân để tạo sự đồng thuận và sức mạnh chung hoàn thành nhiệm vụ. Thực hiện tốt công tác kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất, toàn diện, chuyên đề; kiểm tra, chấn chỉnh các tiêu cực, sai phạm trong hoạt động giáo dục nhất là trình trạng dạy thêm, học thêm, thu chi tài chính không đúng quy định.

2.1.11. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

- Trên cơ sở Kế hoạch truyền thông của Bộ GD&ĐT, tỉnh đã chỉ đạo Sở GD&ĐT đã xây dựng Kế hoạch truyền thông, chỉ đạo tiếp tục tổ chức tuyên truyền và thực hiện tốt công tác truyền thông về các hoạt động giáo dục của Ngành ở địa phương; chủ động thông tin phù hợp, kịp thời về các hoạt động, chỉ đạo điều hành, chủ trương, chính sách, pháp luật về giáo dục của Bộ GD&ĐT, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở GD&ĐT tới học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, người dân và toàn xã hội. Truyền thông các kết quả nổi bật về giáo dục, các tấm gương người tốt việc tốt trong ngành đến toàn xã hội. Tạo sự hiểu biết, đồng thuận và đánh giá đúng về những đổi mới và thành quả của ngành. Nhận diện và xử lý và ngăn chặn các sự cố truyền thông, ngăn chặn xảy ra sự cố truyền thông.

- Ngành GD&ĐT đã chủ động phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông xử lý kịp thời, chính xác những thông tin, sự vụ bức xúc về GD&ĐT xảy ra trên địa bàn. Phối hợp và cung cấp thông tin thường xuyên cho Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Báo Cao Bằng, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Cao Bằng; Trung tâm thông tin Văn phòng UBND tỉnh để tuyên truyền về mục tiêu, các hoạt động đổi mới giáo dục trên địa bàn, các phong trào thi đua của ngành, các chương trình, đề án thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/05/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI, nhằm giúp dư luận xã hội hiểu rõ những chủ

trương đổi mới, những nỗ lực của ngành và tăng cường phản biện từ xã hội, từ đó kịp thời điều chỉnh trong công tác quản lý, chỉ đạo, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động, sự đồng thuận của dư luận xã hội, huy động sự vào cuộc của các cấp ủy đảng, chính quyền, nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới, phát triển GDĐT.

- Năm học 2022 - 2023, tiếp tục định hướng cho các cơ quan báo chí tuyên truyền về việc tổ chức triển khai thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/05/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI trên địa bàn tỉnh; những chủ trương đổi mới của Bộ GDĐT, những sáng kiến, cách làm hay của ngành trong việc thực hiện Chương trình hành động của Bộ GDĐT; kết quả các kỳ thi, điểm mới trong kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10, Quy chế thi THPT; đặc biệt là tuyên truyền về lộ trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, về tổ chức các hoạt động trải nghiệm, công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn trường học, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống đuối nước học sinh, về thực hiện Bộ quy tắc ứng xử trong nhà trường và nâng cao đạo đức nhà giáo...

- Công tác truyền thông trên Cổng thông tin điện tử của Ngành được thực hiện tốt với nội dung phong phú, đảm bảo quy định và đáp ứng nhu cầu tra cứu của tổ chức, cá nhân trong và ngoài ngành. Thông tin trên website được cập nhật kịp thời với đầy đủ các chuyên mục theo quy định tại Nghị định 43/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 53/2012/TT-BGDĐT ngày 20/12/2012 của Bộ GDĐT. Kien toàn Ban Biên tập website ngành, duy trì hoạt động theo đúng quy chế hoạt động Trang thông tin điện tử ngành. Nhìn chung, công tác truyền thông đã góp phần tích cực trong việc thông tin đến người dân và toàn xã hội sự phát triển GDĐT của tỉnh; huy động sự vào cuộc của toàn xã hội chăm lo cho sự phát triển GDĐT.

2.2. Tình hình thực hiện các chính sách của Nhà nước và địa phương

Năm học 2022 - 2023, tỉnh Cao Bằng tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách của Nhà nước và các chính sách của địa phương đối với giáo viên, giảng viên cán bộ quản lý giáo dục; đối với học sinh, sinh viên; chính sách đối với cơ sở giáo dục; chính sách tài chính GD&ĐT. Hằng năm, Hội đồng nhân dân tỉnh đều ban hành nghị quyết quy định về mức phân bổ ngân sách cho lĩnh vực GD&ĐT và cho từng cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách cho ngành giáo dục và cho các địa phương. Trên cơ sở đó, công tác thu, chi ngân sách của ngành GD&ĐT của tỉnh cơ bản được thực hiện một cách hiệu quả. Ngân sách được bố trí cho lĩnh vực GD&ĐT được sử dụng đúng mục đích, giúp thực hiện đầy đủ chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người học; giúp tăng cường cơ sở vật chất cho ngành giáo dục.

2.3. Tình hình triển khai thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông

2.3.1. Lựa chọn sách giáo khoa, chuẩn bị tài liệu giáo dục địa phương

- Tỉnh đã chỉ đạo ngành GD&ĐT và các địa phương chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới đối với lớp 3, lớp 7, lớp 10 cho năm học 2022 – 2023. Tổ chức hội thảo giới thiệu, hướng dẫn, lựa chọn sách giáo khoa đảm bảo đúng quy định, kịp thời. Kết quả lựa chọn sách giáo khoa lớp

3, lớp 7, lớp 10 của tỉnh được thông báo đến các cơ sở giáo dục, trên các phương tiện truyền thông trước 05 tháng trước khi bắt đầu năm học mới. Các cơ sở giáo dục kịp thời đăng ký nhu cầu sách giáo khoa, trên cơ sở đó Sở GD&ĐT tổng hợp gửi các nhà xuất bản có sách giáo khoa được lựa chọn để xây dựng phương án cung ứng sách giáo khoa cho học sinh. Đến đầu năm học mới 2022 - 2023, cơ bản học sinh có sách giáo khoa kịp thời, không có tình trạng thiếu sách giáo khoa đầu năm học.

- Tổ chức biên soạn tài liệu giáo dục địa phương lớp 3, lớp 7, lớp 10 triển khai kịp thời cho năm học 2022-2023. Ngành GD&ĐT tăng cường công tác hội thảo, bồi dưỡng, tập huấn giáo viên về sử dụng sách giáo khoa; tập huấn giáo viên về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa; tập huấn về cách xây dựng kế hoạch nhà trường đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình. Tổ chức Hội nghị triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới đối với lớp 7, lớp 10 trong đó có chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch giáo dục các môn học/hoạt động giáo dục, với những định hướng cụ thể, rõ ràng đối với các môn học/hoạt động giáo dục mới (Lịch sử và Địa lý, Khoa học tự nhiên, Giáo dục địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, Nghệ thuật) đối với cấp THCS. Chỉ đạo tổ chức các đoàn kiểm tra, tư vấn về triển khai dạy học Chương trình giáo dục phổ thông mới, trong đó có nội dung về kiểm tra việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kịp thời tư vấn, hướng dẫn, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho các phòng GD&ĐT, các cơ sở giáo dục.

- Hoàn thành lựa chọn sách giáo khoa lớp 4, lớp 8, lớp 11; triển khai biên soạn tài liệu giáo dục địa phương lớp 4, lớp 8, lớp 11 kịp thời triển khai cho năm học 2023-2024.

2.3.2. Chuẩn bị đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, cơ sở vật chất, trang thiết bị để triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới

- Sở GD&ĐT đã tích cực tham mưu UBND tỉnh triển khai các văn bản chỉ đạo các địa phương, các sở, ban, ngành thực hiện tốt công tác chuẩn bị đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, cơ sở vật chất, trang thiết bị để triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới. tổ chức rà soát đội ngũ giáo viên, xây dựng kế hoạch sắp xếp, bổ sung đội ngũ giáo viên đáp ứng với việc thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông; tổ chức tuyển dụng giáo viên, ưu tiên biên chế tuyển dụng cho giáo viên dạy các môn học của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- Ngành Giáo dục đã tiến hành rà soát đội ngũ, tuyển chọn giáo viên có năng lực để tham gia tập huấn dạy học Chương trình giáo dục phổ thông mới. Phối hợp với các nhà xuất bản có sách giáo khoa được lựa chọn tổ chức tập huấn dạy học sách giáo khoa mới cho 100% giáo viên dạy lớp 4, lớp 8 và lớp 11 năm học 2023-2024 hoàn thành trong hè năm 2023; cử giáo viên, cán bộ quản lý tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn do Bộ GD&ĐT triển khai về đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, xây dựng kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, tập huấn cán bộ quản lý cấp sở, phòng về triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới... Tham gia tập huấn giáo viên cốt cán, cán bộ quản lý cốt cán theo chương trình ETEP.

- Sở GD&ĐT đã hướng dẫn các huyện, thành phố, các cơ sở giáo dục trực thuộc tiến hành rà soát hiện trạng, mức độ đáp ứng và nhu cầu bổ sung, thay thế cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ dạy học của các trường; lập dự toán, đề nghị bổ sung kinh phí để thực hiện công tác đầu tư, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Đến thời điểm báo cáo, Sở GD&ĐT đã trình UBND tỉnh phê duyệt nhu cầu mua sắm đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu các lớp mẫu giáo; thiết bị dạy học tối thiểu các lớp cấp phổ thông.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHONG TRÀO THI ĐUA “ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO TRONG QUẢN LÝ, GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP”

1. Tình hình triển khai thực hiện phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” năm học 2022-2023 (gọi tắt là Phong trào thi đua)

- Sở GD&ĐT Cao Bằng đã làm tốt công tác nghiên cứu các văn bản hướng dẫn thực hiện lĩnh vực công tác thi đua, khen thưởng của Bộ GD&ĐT, từ đó ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn toàn ngành GD&ĐT Cao Bằng triển khai, thực hiện Phong trào thi đua.

- Phong trào thi đua được các nhà trường phát động ngay từ đầu năm học vào dịp khai giảng năm học mới, mỗi cá nhân, tập thể trong Ngành hưởng ứng Phong trào thi đua bằng việc đăng ký đổi mới giải pháp thực hiện nhiệm vụ, lĩnh vực công tác. Nhiều cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đăng ký viết sáng kiến đổi mới về công tác quản lý, đổi mới phương pháp giảng dạy với những nội dung thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị, địa phương được Hội đồng khoa học các cấp đánh giá có khả năng áp dụng và nhân rộng. Nhìn chung, Phong trào đã khơi lên trong các nhà trường không khí thi đua, khích lệ mỗi cá nhân, tập thể tìm tòi, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, quản lý; đã thúc đẩy sự quyết tâm, nỗ lực, cống hiến lao động và học tập của các nhà giáo, học sinh, người lao động đang công tác tại vùng sâu, xa, vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

- Kết thúc năm học, Hội đồng TĐKT ngành GD&ĐT Cao Bằng đã tiến hành họp xét, lựa chọn các tập thể, cá nhân có nhiều giải pháp đổi mới trong thực hiện nhiệm vụ công tác, tiêu biểu xuất sắc trong thực hiện Phong trào thi đua để đề nghị Bộ trưởng Bộ GD&ĐT tặng Bằng khen và đề nghị Giám đốc Sở GD&ĐT tặng Giấy khen. Kết quả: 65 tập thể, 95 cá nhân được đề nghị Bộ trưởng Bộ GD&ĐT tặng Bằng khen; Giám đốc Sở GD&ĐT đã tặng Giấy khen cho 35 tập thể, 64 cá nhân.

2. Kết quả triển khai Đề án “Tuyên truyền gương điển hình tiên tiến giai đoạn 2023 - 2025” của ngành Giáo dục

- Thực hiện Kế hoạch số 595 /KH-BGDĐT ngày 10/4/2023, của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Cao Bằng đã xây dựng kế hoạch tuyên truyền gương điển hình tiên tiến và ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện công tác phát hiện, xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến, năm học 2022-2023, nhiều gương điển hình tiên tiến, các mô hình hay, gương người tốt, việc tốt được phát hiện qua việc thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, qua thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, lĩnh vực công tác. Để tạo sức lan tỏa, nhân rộng những tấm gương tiêu biểu, xuất sắc, Sở GD&ĐT đã đăng nhiều bài viết về các gương điển hình tiên tiến lên cổng thông tin điện tử của Ngành; biểu dương, khen thưởng trong các hội nghị sơ kết, tổng kết năm học, các hội thảo, hội nghị

sơ kết, tổng kết công tác TĐKT của ngành và của tỉnh, hội nghị tổng kết các lĩnh vực công tác, các chương trình vinh danh của Bộ GD&ĐT, các buổi sinh hoạt tập trung tại các trường học; thường xuyên phối hợp với các cơ quan truyền thông tuyên truyền, tôn vinh gương các nhà giáo, học sinh và tập thể điển hình tiên tiến.

- Một số mô hình tiêu biểu, điển hình trong đổi mới công tác quản lý, giảng dạy và học tập được ghi nhận và được tặng thưởng các danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Cờ thi đua của UBND tỉnh, Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ (Trường THPT Bảo Lạc được tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh, Trường PTDTNT tỉnh được đề nghị tặng Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ); nhiều cá nhân được ngành GD&ĐT ghi nhận thành tích trình tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

IV. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Những vấn đề nổi cộm, bức xúc ở cơ sở, đơn vị: Không có.

2. Khó khăn, hạn chế

- Công tác quy hoạch, phát triển hệ thống cơ sở giáo dục còn gặp nhiều khó khăn do Cao Bằng là tỉnh miền núi có địa hình chia cắt, điều kiện giao thông đi lại khó khăn, khoảng cách giữa các làng, xã khá lớn, gây nhiều khó khăn cho học sinh đến trường, dẫn đến khó khăn trong việc duy trì sĩ số lớp học. Điều này dẫn đến yêu cầu duy trì số lượng lớn các điểm trường, lớp lẻ, đặc biệt là đối với cấp mầm non và tiểu học.

- Cơ sở vật chất một số nhà trường chưa thực sự đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018: Một số cơ sở giáo dục còn có phòng học nhờ, mượn, phòng học tạm, phòng học kiên cố đã xuống cấp; các cơ sở giáo dục còn thiếu hạng mục xây dựng và trang thiết bị phục vụ dạy học như các phòng học bộ môn, thư viện, thiết bị dạy học tối thiểu, thiết bị phòng học bộ môn, thiết bị nội thất phòng học bộ môn và máy vi tính, thiết bị, nhà công vụ phục vụ công tác của cán bộ quản lý, giáo viên các cơ sở giáo dục.

- Tỷ lệ giáo viên/lớp đối với các cấp học còn thấp, tình trạng thiếu giáo viên ở các cơ sở giáo dục vẫn còn tồn tại, đặc biệt là giáo viên Tiếng Anh và Tin học. Trong năm học, Sở GD&ĐT Cao Bằng đã tham mưu tổ chức thi tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023 với tổng số 539 chỉ tiêu tuyển dụng. So với chỉ tiêu tuyển dụng, toàn tỉnh không tuyển được 70 giáo viên Tiếng Anh và 58 giáo viên tin học do không có nguồn tuyển.

3. Kiến nghị, đề xuất

- Tiếp tục duy trì, thực hiện các chính sách hỗ trợ trẻ em, học sinh vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, hỗ trợ cho học sinh thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo. Ưu tiên, bố trí các nguồn lực đầu tư cho xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và gắn với xây dựng nông thôn mới. Đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, nâng cấp, sửa chữa các trường phổ thông dân tộc bán trú, phổ thông dân tộc nội trú đặc biệt là các công trình phụ trợ như: nhà bếp, nhà ăn, nhà tắm, phòng ở,...

- Hướng dẫn tính định mức tiết dạy cho giáo viên tham gia dạy các lớp học trực tuyến cấp tiểu học gồm:

+ Tính định mức số tiết dạy cho 01 giáo viên dạy trực tiếp tại 01 lớp kết hợp với trực tuyến 01 lớp trở lên.

+ Tính định mức tính số tiết cho giáo viên trợ giảng tham gia theo dõi, quản lý tại lớp học trực tuyến, lớp học ảo.

- Tiếp tục tổ chức Hội thảo, tập huấn về xây dựng kế hoạch nhà trường; kế hoạch môn học, hoạt động của tổ chuyên môn; dạy học lớp ghép; Dạy học STEM, Tăng cường tiếng Việt đối với cấp tiểu học.

- Rà soát, sửa đổi, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật (về xét công nhận tốt nghiệp THCS, tuyển sinh THPT, thi tốt nghiệp THPT, ...) phù hợp với việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện năm học 2022-2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng./

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (Vụ TĐKT)
- Sở GD&ĐT tỉnh Sơn La;
- Sở GD&ĐT tỉnh Hà Giang;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Văn Giáp



**DANH GIÁ VÀ BÌNH XÉT THI ĐUA KHEN THƯỞNG
NĂM HỌC: 2022-2023**

(Kèm theo Báo cáo số 239/BC-SGDĐT ngày 18/7/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng)

STT	Mã tiêu chí	Tiêu chí	Thang điểm	Điểm tự chấm	Điểm thưởng đề nghị	Minh chứng	Đơn vị phụ trách	Điểm Bộ chấm	Điểm thưởng tự chấm	Điểm tự chấm	Lý do chấm
1	1	Giáo dục mầm non	200	185		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Mầm non				
2	1.1	Nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non	100	95	10	Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Mầm non				
3	1.1.1	Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ	30	30		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Mầm non				
4	1.1.2	Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho trẻ	30	30		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Mầm non				
5	1.1.3	Đổi mới, nâng cao chất lượng thực hiện hoạt động giáo dục	40	35		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Mầm non				
6	1.2	Thực hiện các điều kiện bảo đảm chất lượng trong các cơ sở giáo dục mầm non	50	45		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Mầm non				
7	1.2.1	Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi; định hướng phổ cập trẻ mẫu giáo.	20	20		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Mầm non				
8	1.2.2	Triển khai kịp thời các chính sách về giáo dục mầm non, nhất là công tác quy hoạch, xây dựng các chính sách đặc thù phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn.	20	15		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Mầm non				
9	1.2.3	Duy trì trường chuẩn quốc gia/kiểm định chất lượng đối với những trường đạt chuẩn.	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Mầm non				
10	1.3	Tổ chức hoạt động nhà trường hiệu quả	50	45		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Mầm non				
11	1.3.1	Đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chuyên môn	25	25		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Mầm non				
12	1.3.2	Đổi mới công tác quản lý tổ chức và hoạt động; thiết lập hệ thống hồ sơ, sổ sách tinh gọn, khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin.	25	20		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Mầm non				
13	2	Giáo dục tiểu học	200	180	10	Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Tiểu học				
14	2.1	Triển khai chương trình giáo dục cấp tiểu học	45	45	5	Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Tiểu học				
15	2.1.1	Chi đạo, hướng dẫn tổ chức dạy học một cách linh hoạt, hiệu quả.	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Tiểu học				
16	2.1.2	Chi đạo đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá.	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Tiểu học				



17	2.1.3	Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.	25	25		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Tiểu học				
18	2.2	Chuẩn bị các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình giáo dục cấp tiểu học	65	50	5	Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Tiểu học				
19	2.2.1	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc chuẩn bị các điều kiện để triển khai chương trình giáo dục tiểu học.	5	5		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Tiểu học				
20	2.2.2	Tập huấn, bồi dưỡng giáo viên về chương trình và sách giáo khoa theo lộ trình; lựa chọn sách giáo khoa; xây dựng và thẩm định tài liệu giáo dục địa phương.	10	5		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Tiểu học				
21	2.2.3	Chuẩn bị đội ngũ giáo viên (bồi dưỡng, đào tạo giáo viên đối với các môn học mới, tuyển dụng giáo viên đủ định mức và kịp thời theo lộ	20	15		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Tiểu học				
22	2.2.4	Dầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục tiểu học	25	20		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Tiểu học				
23	2.2.5	Tham mưu ban hành các chính sách hỗ trợ học sinh khó khăn và thực hiện giáo dục tiểu học bắt buộc.	5	5		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Tiểu học				
24	2.3	Đổi mới công tác quản lý giáo dục tiểu học	20	15		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Tiểu học				
25	2.3.1	Thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường.	10	5		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Tiểu học				
26	2.3.2	Tăng cường tự chủ cho cơ sở giáo dục, hiệu trưởng và giáo viên trong thực hiện Chương trình giáo dục cấp tiểu học.	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Tiểu học				
27	2.4	Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và xây dựng trường chuẩn quốc gia	50	50		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Tiểu học				
28	2.4.1	Công tác chỉ đạo phổ cập giáo dục tiểu học.	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Tiểu học				
29	2.4.2	Kết quả nổi bật đạt được.	40	40		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Tiểu học				
30	2.5	Huy động nguồn lực xã hội để phát triển giáo dục tiểu học	20	20		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Tiểu học				
31	2.5.1	Chính sách địa phương để thu hút nguồn lực đối với giáo dục tiểu học.	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Tiểu học				
32	2.5.2	Quản lý việc thực hiện xã hội hóa giáo dục trong các trường tiểu học	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Tiểu học				
33	3	Giáo dục trung học	200	195		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Trung học				
34	3.1	Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường	60	60		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Trung học				
35	3.1.1	Công tác chỉ đạo về xây dựng kế hoạch nhà trường và kết quả thực hiện: Các văn bản hướng dẫn triển khai của Sở Giáo dục và Đào tạo	30	30		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Trung học				
36	3.1.2	Công tác chỉ đạo về xây dựng kế hoạch nhà trường và kết quả thực hiện: Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường tại địa	30	30		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Trung học				
37	3.2	Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá	60	59		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Trung học				



38	3.2.1	Công tác chỉ đạo về thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học và kết quả thực hiện: Các văn bản hướng dẫn triển khai của Sở Giáo dục và Đào tạo.	15	15		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Trung Học				
39	3.2.2	Công tác chỉ đạo về thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức phương pháp và hình thức tổ chức dạy học tại các nhà trường.	15	15		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Trung Học				
40	3.2.3	Công tác chỉ đạo về thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức khai của Sở Giáo dục và Đào tạo.	15	15		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Trung Học				
41	3.2.4	Công tác chỉ đạo về thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá và kết quả thực hiện: Báo cáo kết quả thực hiện các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá tại các nhà trường	15	14		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Trung Học				
42	3.3	Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng	20	19		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Trung Học				
43	3.3.1	Công tác chỉ đạo về nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng và kết quả thực hiện: Các văn bản hướng dẫn triển khai của Sở Giáo dục và Đào tạo.	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Trung Học				
44	3.3.2	Công tác chỉ đạo về nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng và kết quả thực hiện: Báo cáo kết quả nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng.	10	9		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Trung Học				
45	3.4	Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở	20	19		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Trung Học				
46	3.4.1	Công tác chỉ đạo về nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở và kết quả thực hiện: Các văn bản hướng dẫn triển khai của Sở Giáo dục và Đào tạo	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Trung Học				
47	3.4.2	Công tác chỉ đạo về nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở và kết quả thực hiện: Báo cáo kết quả thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở tại địa phương	10	9		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Trung Học				
48	3.5	Tiếp tục thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục	40	38		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Trung Học				
49	3.5.1	Công tác biên soạn tài liệu giáo dục địa phương và lựa chọn SGK	10	9		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Trung Học				
50	3.5.2	Đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn, thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường.	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Trung Học				
51	3.5.3	Tình giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường; quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo.	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Trung Học				
52	3.5.4	Công tác kiểm tra, tư vấn, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học.	10	9		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Trung Học				
53	4	Giáo dục thường xuyên	200	195		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thường xuyên				
54	4.1	Công tác xây dựng xã hội học tập	45	45		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thường xuyên				



55	4.1.1	Triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030" (Đề án 1373).	25	25		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thường xuyên				
		Phát triển, kiểm tra, đánh giá các công đồng học tập, đơn vị học tập, mô hình học tập, tuần lễ hướng ứng Học tập suốt đời, Ngày sách và Văn hóa đọc Việt Nam	20	20		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thường xuyên				
56	4.1.2										
57	4.2	Công tác xóa mù chữ	25	25		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thường xuyên				
58	4.2.1	Công tác chỉ đạo về xóa mù chữ, kiểm tra công nhận kết quả xóa mù chữ.	15	15		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thường xuyên				
59	4.2.2	Huy động, mở các lớp xóa mù chữ	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thường xuyên				
		Đổi mới công tác quản lý đối với các cơ sở giáo dục thường xuyên (các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, trung tâm tin học, ngoại ngữ, trung tâm học tập cộng đồng)	50	50		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thường xuyên				
60	4.3										
61	4.3.1	Quản lý các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thường xuyên				
62	4.3.2	Quản lý trung tâm học tập cộng đồng.	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thường xuyên				
63	4.3.3	Quản lý các trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (trung tâm ngoại ngữ, tin học, trung tâm giáo dục kỹ năng sống,	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thường xuyên				
64	4.3.4	Tuần thủ chế độ báo cáo, thi đua, khen thưởng theo quy định.	20	20		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thường xuyên				
65	4.4	Thực hiện các chương trình giáo dục trong các cơ sở giáo dục thường xuyên	50	49		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thường xuyên				
66	4.4.1	Triển khai thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông.	15	15		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thường xuyên				
67	4.4.2	Các chương trình ngoại ngữ thực hành (tiếng Anh, tiếng Nhật và các ngoại ngữ khác).	10	9		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thường xuyên				
68	4.4.3	Các chương trình bồi dưỡng (bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn khác), học nghề ngắn hạn, học chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số tại các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.	15	15		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thường xuyên				
69	4.4.4	Các chương trình, chuyên đề bồi dưỡng cấp nhật kiến thức, kỹ năng tại các trung tâm học tập cộng đồng.	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thường xuyên				
70	4.5	Củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục thường xuyên; tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục đào tạo đối với các cơ sở giáo dục thường xuyên.	30	26		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thường xuyên				
71	4.5.1	Các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thường xuyên				
72	4.5.2	Trung tâm học tập cộng đồng	10	8		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thường xuyên				



73	4.5.3	Các trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (trung tâm ngoại ngữ, tin học, trung tâm giáo dục kỹ năng sống...)	10	8		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thường xuyên				
74	5	Giáo dục thể chất	200	194		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thể chất				
75	5.1	Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác phòng, chống dịch COVID-19; thực hiện công tác y tế trường học.	40	39		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thể chất				
76	5.2	Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác giáo dục thể chất trong nhà trường.	40	39		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thể chất				
77	5.3	Chỉ đạo, hướng dẫn các hoạt động thể thao trong nhà trường.	40	39		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thể chất				
78	5.4	Chỉ đạo triển khai Chương trình Sức khỏe học đường kết hợp với các hoạt động thể lực.	40	39		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thể chất				
79	5.5	Đảm bảo an toàn trường học, phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước đối với trẻ em, học sinh.	40	38		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Thể chất				
80	6	Giáo dục chính trị và công tác học sinh sinh viên	200	194		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục chính trị và Công tác học sinh sinh viên				
81	6.1	Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; phòng chống bạo lực học đường; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; thực hiện công tác khởi nghiệp sáng tạo và chế độ chính sách cho học	80	78		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục chính trị và Công tác học sinh sinh viên				
82	6.2	Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, công tác tư vấn tâm lý, công tác xã hội trường học	60	58		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục chính trị và Công tác học sinh sinh viên				
83	6.3	Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; hướng dẫn khai thác sử dụng Internet, mạng xã hội an toàn, hiệu quả; ứng xử văn hóa; tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, câu lạc bộ cho học sinh.	60	58		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục chính trị và Công tác học sinh sinh viên				
84	7	Quản lý chất lượng	150	143		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Quản lý chất lượng				
85	7.1	Công tác bảo đảm, kiểm định chất lượng giáo dục	40	39		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Quản lý chất lượng				
86	7.2	Công tác quản lý thi và đánh giá	40	36		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Quản lý chất lượng				
87	7.3	Công tác quản lý văn bằng chứng chỉ	40	39		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Quản lý chất lượng				
88	7.4	Công tác phối hợp, triển khai các hoạt động quản lý chất lượng; thực hiện chế độ báo cáo, công khai	30	29		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Quản lý chất lượng				
89	8	Công nghệ thông tin	150	120		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Công nghệ thông tin				
90	8.1	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học	50	30		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Công nghệ thông tin				
91	8.2	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý giáo dục	40	35		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Công nghệ thông tin				

92	8.3	Các điều kiện đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	30	25		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Công nghệ thông tin				
93	8.4	Công tác thống kê giáo dục	30	30		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Công nghệ thông tin				
94	9	Cơ sở vật chất	150	130		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Cơ sở vật chất				
95	9.1	Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non - phổ thông.	25	25		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Cơ sở vật chất				
96	9.2	Tăng cường cơ sở vật chất và đảm bảo các công trình vệ sinh, nước sạch trong các cơ sở giáo dục.	50	45		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Cơ sở vật chất				
97	9.3	Công tác thiết bị dạy học	50	45		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Cơ sở vật chất				
98	9.4	Các nhiệm vụ khác	25	15		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Cơ sở vật chất				
99	9.4.1	Chương trình Môi trường quốc gia và xây dựng nông thôn mới	10	5		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Cơ sở vật chất				
100	9.4.2	Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai của ngành Giáo dục	10	5		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Cơ sở vật chất				
101	9.4.3	Thực hiện chế độ báo cáo	5	5		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Cơ sở vật chất				
102	10	Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục	150	150		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục				
103	10.1	Công tác phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	40	40		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục				
104	10.2	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	40	40		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục				
105	10.3	Thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	40	40		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục				
106	10.4	Công tác quản lý, nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo	30	30		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục				
107	11	Thanh tra	100	100	10	Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Thanh tra				
108	11.1	Xây dựng, kiện toàn đội ngũ thanh tra viên, công tác viên thanh tra	20	20	2	Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Thanh tra				
109	11.2	Công tác thanh tra, kiểm tra	60	60	6	Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Thanh tra				
110	11.2.1	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra đầu năm học; Kế hoạch thanh tra, kiểm tra điều chỉnh, bổ sung (nếu có); Kế hoạch thanh tra, kiểm tra đột xuất (nếu có)	20	20		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Thanh tra				
111	11.2.2	Các kết luận thanh tra, thông báo kết quả kiểm tra. Các văn bản xử lý sau thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra/kiểm tra	20	20		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Thanh tra				



		Văn bản hướng dẫn các phòng giáo dục và đào tạo, các đơn vị trực thuộc trong công tác kiểm tra. Văn bản phối hợp với thanh tra tỉnh, thanh tra huyện và các đơn vị có liên quan trong công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng; trong xử lý các vụ việc sai phạm, tiêu cực về giáo dục trên địa bàn.								
112	11.2.3	Tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, phòng chống tham nhũng và ứng dụng CNTT trong thanh tra, kiểm tra	20	20		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Thanh tra			
113	11.3		20	20	2	Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Thanh tra			
114	12	Văn phòng	100	100	4	Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Văn phòng			
115	12.1	Báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học và kế hoạch thời gian năm học	40	40		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Văn phòng			
116	12.1.1	Báo cáo chuẩn bị năm học và khai giảng năm học; báo cáo sơ kết học kỳ I; báo cáo tổng kết năm học; báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí thi đua và đề nghị xét khen thưởng năm học; báo cáo định kỳ hàng tháng, hằng quý, 06 tháng về tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm năm học ở địa phương và các báo cáo đột xuất.	20	20		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Văn phòng			
117	12.1.2	Kế hoạch thời gian năm học của UBND cấp tỉnh; Kế hoạch hoặc Chỉ thị về nhiệm vụ trọng tâm năm học của địa phương. Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 1696/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2020 và Quyết định số 2559/QĐ-BGDĐT ngày 06/08/2021	20	20		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Văn phòng			
118	12.2	Công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo	40	40	4	Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Văn phòng			
119	12.2.1	Địa chỉ website; Website được cập nhật thông tin thường xuyên và có đường link với website Bộ.	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Văn phòng			
120	12.2.2	Danh sách cán bộ phụ trách truyền thông. Kế hoạch truyền thông của đơn vị; kết quả xử lý sự cố truyền thông. Kết quả tập huấn truyền	20	20		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Văn phòng			
121	12.2.3	Kết quả thực hiện công tác phối hợp truyền thông với Bộ	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Văn phòng			
122	12.3	Công tác cải cách thủ tục hành chính	20	20		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Văn phòng			
123	13	Kế hoạch - Tài chính	100	100		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Kế hoạch - Tài chính			
124	13.1	Xây dựng Kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương hàng năm	40	40		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Kế hoạch - Tài chính			
125	13.2	Bảo đảm đủ kinh phí để chi cho hoạt động giáo dục tại địa phương theo quy định; đảm bảo nguồn ngân sách địa phương đáp ứng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên.	40	40		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Kế hoạch - Tài chính			
126	13.3	Cần đối ngân sách để đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu.	20	20		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Kế hoạch - Tài chính			
127	14	Giáo dục quốc phòng và An ninh	100	98		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục quốc phòng và An ninh			
128	14.1	Công tác quân sự, quốc phòng	20	19		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục quốc phòng và An ninh			



129	14.2	Giao dục quốc phòng và an ninh	80	79		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục quốc phòng và An ninh				
130	14.2.1	Hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo dạy học giáo dục quốc phòng an ninh.	20	20		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục quốc phòng và An ninh				
131	14.2.2	Tổ chức dạy học.	20	20		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục quốc phòng và An ninh				
132	14.2.3	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên giáo dục quốc phòng an ninh.	20	20		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục quốc phòng và An ninh				
133	14.2.4	Cơ sở vật chất, vũ khí trang thiết bị bảo đảm cho môn học.	20	19		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục quốc phòng và An ninh				
134	15	Pháp chế	100	100	10	Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Pháp chế				
135	15.1	Tổ chức pháp chế hoặc bố trí cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm làm công tác pháp chế	20	20	2	Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Pháp chế				
136	15.2	Công tác xây dựng văn bản	40	40	4	Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Pháp chế				
137	15.3	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường; theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực giáo dục ở địa	40	40	4	Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Pháp chế				
138	16	Hợp tác quốc tế	100	95		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Hợp tác quốc tế				
139	16.1	Thúc đẩy hợp tác và hội nhập quốc tế	40	40		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Hợp tác quốc tế				
140	16.1.1	Văn bản/kế hoạch/chỉ đạo thúc đẩy hợp tác và hội nhập quốc tế.	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Hợp tác quốc tế				
141	16.1.2	Văn bản phân công đầu mối phụ trách công tác hợp tác và hội nhập quốc tế	20	20		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Hợp tác quốc tế				
142	16.1.3	Báo cáo hằng năm về công tác hợp tác quốc tế và báo cáo đột xuất (nếu có).	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Hợp tác quốc tế				
143	16.2	Kết quả hợp tác và hội nhập quốc tế	40	35		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Hợp tác quốc tế				
144	16.2.1	Văn bản, thỏa thuận ký kết hợp tác với đối tác nước ngoài ở cấp cơ sở giáo dục trở lên (còn hiệu lực).	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Hợp tác quốc tế				
145	16.2.2	Chương trình, dự án, đề án, hoạt trao đổi động hợp tác với nước ngoài cấp cơ sở giáo dục trở lên (đang triển khai).	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Hợp tác quốc tế				
146	16.2.3	Báo cáo kết quả quản lý cơ sở tư vấn du học thuộc địa bàn	10	10		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Hợp tác quốc tế				
147	16.2.4	Báo cáo kết quả quản lý cơ sở giáo dục về: (i) dạy chương trình giáo dục tích hợp; (ii) dạy chương trình nước ngoài; (iii) dạy một số môn học, nội dung chương trình giáo dục Việt Nam bằng tiếng nước ngoài; (iv) cơ sở đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài	10	5		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Hợp tác quốc tế				
148	16.3	Sự tiến bộ trong công tác hợp tác và hội nhập quốc tế	20	20		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Cục Hợp tác quốc tế				

149	17	Giáo dục dân tộc	100	100		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Dân tộc				
		Nâng cao chất lượng dạy và học ở các cơ sở giáo dục vùng dân tộc thiểu số, miền núi; trường phổ thông dân tộc nội trú và phổ thông dân tộc bán trú; dạy học tiếng dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục.	40	40		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Dân tộc				
150	17.1					Liệt kê trong phần mềm chấm điểm					
151	17.2	Thực hiện chế độ, chính sách đối với người dạy, người học, cơ sở giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi.	30	30		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Dân tộc				
152	17.3	Tăng cường công tác quản lý giáo dục dân tộc.	30	30		Liệt kê trong phần mềm chấm điểm	Vụ Giáo dục Dân tộc				
153		Tổng điểm	2500	2379	44	Liệt kê trong phần mềm chấm điểm					

